

VỀ CÔNG TRÌNH *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* của Giáo sư Nhà giáo nhân dân Hoàng Như Mai

Nguyễn A Say

Khoa Xã hội Truyền thông, Trường Đại học Văn Hiến

Email: sayna@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 08/12/2021; Ngày sửa bài: 01/03/2022; Ngày duyệt đăng: 04/03/2022

Tóm tắt

Hoàng Như Mai có nhiều đóng góp trong lĩnh vực giáo dục, văn học, nghệ thuật. Trong lĩnh vực nghiên cứu văn học, Hoàng Như Mai có nhiều bài viết về các tác giả, tác phẩm nổi bật của nền Văn học Việt Nam. Trong đó, nổi bật là công trình có tính chất gợi mở, mở đầu: “*Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)*” do Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản năm 1961. Bài viết phân tích giá trị của công trình nghiên cứu văn học có tính chất mở đầu ở các phương diện về bố cục, phạm vi nghiên cứu, nội dung nghiên cứu; đồng thời chỉ ra một số ưu điểm, hạn chế trong nghiên cứu văn học của Hoàng Như Mai qua công trình trên.

Từ khóa: Hoàng Như Mai, nghiên cứu văn học, văn học Việt Nam hiện đại

On *Contemporary Vietnamese Literature (1945 - 1960)* works by Professor Hoang Nhu Mai

Abstract

Hoang Nhu Mai has made a number of contributions in fields of education, literature, and arts. In the field of literary research, Hoang Nhu Mai has many writings about prominent authors and works of Vietnam literature. In particular, the outstanding work is evocative and opening: *Contemporary Vietnamese literature (1945–1960)* published by Educational Publishing House in 1961. The article analyzes the value of the research works of an introductory nature in terms of layout, research scope, and research content. At the same time, it points out some advantages and limitations in Hoang Nhu Mai's literary research through the above-mentioned work.

Keywords: contemporary Vietnamese literature, Hoang Nhu Mai, literature research

Mở đầu

Công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* của Hoàng Như Mai được Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản năm 1961. Đây là công trình gồm những bài đã giảng dạy ở Trường Đại học Tổng hợp, niên khóa 60 - 61. Tác phẩm gồm có 24 chương, 510 trang, chia nền văn học Việt Nam từ năm 1945 đến 1960 ra làm ba giai đoạn: Giai

đoạn thứ nhất từ 19.8.1945 đến 19.12.1946; giai đoạn thứ hai từ 19.12.1946 đến 7.1954, giai đoạn thứ ba từ 1954 đến 1960. Theo các nhà nghiên cứu, đây là công trình có giá trị khoa học, có tính chất mở đầu cho việc nghiên cứu văn học từ 1945 trở về sau. Chính vì vậy, việc nhìn nhận, đánh giá lại giá trị của công trình nghiên cứu *Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* là một việc hết sức

cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay, ngoài Trần Hữu Tá trong lời giới thiệu *Hoàng Như Mai tuyển tập* có một số nhận xét khái lược về giá trị công trình *Văn học Việt Nam 1945 - 1960* và Lê Thị Hoài Xuân trong luận văn thạc sĩ *Những đóng góp của Hoàng Như Mai trong sáng tác và nghiên cứu văn học* thì chưa có nghiên cứu nào đánh giá cụ thể giá trị của công trình *Văn học Việt Nam (1945 - 1960)*. Do đó, để làm rõ nội dung nghiên cứu, ngoài việc tìm hiểu công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* xuất bản năm 1961, tác giả bài viết tiếp cận thêm công trình *Văn học Việt Nam hiện đại*, quyển 1, Hoàng Như Mai biên soạn do Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1982. Đồng thời tiếp cận tài liệu *Hoàng Như Mai tuyển tập* do nhà xuất bản Giáo dục xuất bản năm 2005, đặc biệt là phần công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* gồm 10 chương ở giai đoạn kháng chiến chống Pháp được chọn đăng, từ đó làm rõ những đóng góp của tác giả Hoàng Như Mai trong lĩnh vực nghiên cứu văn học.

Đối tượng nghiên cứu chính của bài viết chính là công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* xuất bản năm 1961. Các dẫn chứng trong bài viết sẽ được trích dẫn từ tài liệu này. Về phương pháp tác giả bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp cùng với phương pháp phê bình tiểu sử để làm rõ nội dung nghiên cứu.

1. Những giá trị của công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)*

1.1. Công trình có tính chất mở đầu cho một giai đoạn nghiên cứu văn học

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc với thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ. Hòa cùng không khí phấn khởi của đất nước, nền văn học nghệ thuật có nhiều biến chuyển, có điều

kiện phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Nhiều tác phẩm có giá trị xuất hiện, ghi lại các nội dung liên quan đến cuộc đấu tranh cách mạng trước 1945; tái hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp hoặc cuộc sống mới với công cuộc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Các thể loại văn học, nhất là truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ trữ tình đều phát triển; có nhiều tác phẩm thành công, thậm chí còn có những tác phẩm xuất sắc. Nếu như giai đoạn trước 1945 có các công trình ghi lại chặng đường phát triển của văn học như: *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm hoàn thành năm 1941, *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, Hoài Chân in năm 1941, *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan năm 1942, thì sau 1945 chưa có công trình nghiên cứu văn học mang tính chất tổng kết giai đoạn mặc dù có rất nhiều cuộc thảo luận, tranh luận văn học diễn ra sôi nổi như: tranh luận về tập thơ *Việt Bắc*, đấu tranh tư tưởng xoay quanh nhóm *Nhân văn giai phẩm*. Thời điểm này cũng xuất hiện các tập phê bình tiểu luận bút ký văn học như *Máy vấn đề văn học nghệ thuật* (Nguyễn Đình Thi), *Phê bình và tiểu luận* (Hoài Thanh), *Trên đường học tập và nghiên cứu* (Đặng Thai Mai), *Phê bình giới thiệu thơ* (Xuân Diệu), *Nói chuyện văn thơ* (Chế Lan Viên), ... Trước sự phát triển toàn diện của văn học ở các thể loại, nhiều công trình về lịch sử, lý luận văn học xuất hiện, có thể kể đến như: *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* của nhóm Lê Quý Đôn (1957), *Sơ thảo nguyên lý văn học* của Nguyễn Lương Ngọc (1958), *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* của Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đông Chi, Vũ Ngọc Phan (1957), ... Ngoài ra còn có các chuyên luận như *Văn thơ Phan Bội Châu* của Đặng Thai Mai (1960), *Ba thi hào dân tộc* của Xuân Diệu (1959), ... Dẫu vậy, công trình

văn học tổng kết cho giai đoạn 1945 - 1960 vẫn chưa xuất hiện. Trước nhu cầu bức thiết của công tác giảng dạy, cần có một tài liệu nghiên cứu cho sinh viên học tập, nghiên cứu, Hoàng Như Mai đã mạnh dạn nghiên cứu và hoàn thiện *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)*. Công trình được nhà xuất bản Giáo dục in năm 1961. Đây là tài liệu có tính chất mở đầu cũng như cung cấp tư liệu quý giá cho hàng loạt công trình nghiên cứu văn học sau này, có thể kể đến như: *Lịch sử văn học Việt Nam, tập 6, 1945 - 1960* của Huỳnh Lý, Trần Văn Hôi (1962); *Văn học giải phóng miền Nam* của Phạm Văn Sĩ (1975); *Văn học Việt Nam 1945 - 1954* của Mã Giang Lân (1990); *Văn học Việt Nam 1954 - 1964* của Mã Giang Lân (1990); *Văn học Việt Nam hiện đại tập 2, sau 1945* của Nguyễn Văn Long (2008), ...

Là một nhà giáo, việc tìm hiểu tác giả, tác phẩm để giảng dạy cho sinh viên là điều hết sức hiển nhiên và cần thiết. Tuy nhiên, khác với các giảng viên khác, Hoàng Như Mai đã nghiên cứu có hệ thống các tác giả, tác phẩm cùng sự vận động của nền văn học giai đoạn 1945 - 1960. Việc đọc, chọn lọc và tổng hợp tác phẩm, song song với việc khái lược giá trị tư tưởng nghệ thuật của từng tác giả là một công việc hết sức công phu và nghiêm túc. Ông đã trở thành nhà phê bình văn học “*cố gắng tiếp xúc với ý đồ sáng tạo của nghệ sĩ, thâm nhập vào hệ thống hình tượng như là kết tinh sâu sắc của tư tưởng và tình cảm tác giả, đào sâu phân tích và lý giải mọi mối liên hệ bên trong và bên ngoài của tác phẩm để hiểu được sáng tác văn học trong lịch sử văn hóa tư tưởng, đời sống và truyền thống nghệ thuật*” (Phương Lựu và cộng sự, 2010: 380). Tác phẩm *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* trở thành công trình khoa học đúng nghĩa với dung lượng đồ sộ và hơn hết là

việc chọn lọc tác giả hết sức khách quan, hợp lý cùng nhiều phân tích, dẫn chứng thuyết phục.

Theo Trần Hữu Tá trong Lời đề dẫn, việc tổng hợp, giới thiệu công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1954 - 1960)* là một “*hoạt động khoa học cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn cao nhưng quả là không đơn giản, nhất là với tư cách một công trình đột phá, mở đầu*” (Hoàng Như Mai, 2005: 16). Dù là công trình nghiên cứu “đột phá, mở đầu” nhưng những đóng góp của Giáo sư Nhà giáo nhân dân Hoàng Như Mai trong công cuộc nghiên cứu văn học Việt Nam, giai đoạn 1945 - 1960 rất đáng ghi nhận. “*Giá trị của công trình này đã đặt nền tảng cho những bộ giáo trình văn học Việt Nam đồ sộ hơn sau này của Đại học Tổng hợp (nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), Đại học Sư phạm*” (Võ Văn Nhơn, 2019: 319).

1.2. Bộ cục rõ ràng

Công trình *Văn học Việt Nam (1945 - 1960)* được chia thành 24 chương. Ngoài một chương giới thiệu *Di sản Văn học trước Cách mạng tháng Tám* và một chương trình bày *Mấy công tác chính trong phong trào văn học từ 1945 đến nay và tính chất nền văn học mới*, còn lại, tác giả chia thành 3 giai đoạn, tương ứng với các chương cụ thể. Giai đoạn thứ nhất từ cuộc Cách mạng tháng Tám cho đến trước cuộc kháng chiến chống Pháp (19.8.1945 - 19.12.1946) bao gồm bốn chương, từ chương 3 đến chương 6. Giai đoạn thứ hai từ 19.12.1946 - 7.1954 bao gồm 13 chương, từ chương 7 đến chương 19. Giai đoạn thứ ba từ 1954 - 1960 gồm có 5 chương, từ chương 20 đến chương 24. Căn cứ theo diễn biến lịch sử và sự vận động văn học trong nước ở giai đoạn này thì việc chia và sắp xếp các chương như cách Giáo sư Hoàng Như Mai là phù hợp. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, vai trò

của văn nghệ được đề cao, nhiều cuộc vận động sáng tác diễn ra nhằm cổ vũ công cuộc chiến đấu của nước nhà nên số lượng tác giả và tác phẩm phát triển vượt bậc. Vì vậy, tác giả dành nhiều chương, nhiều trang cho giai đoạn này cũng là điều dễ hiểu. Phần văn học trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp được Hoàng Như Mai hiệu chỉnh và đăng trong công trình *Văn học Việt Nam hiện đại, quyển 1* do Trường Đại học tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1982. Ngoài ra, phần này cũng được tác giả chọn đăng trong *Hoàng Như Mai tuyển tập*, xuất bản năm 2005.

Theo Hoàng Như Mai trong *Máy lời nói đầu*, công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* là tập hợp những bài giảng trên lớp. Vì vậy bố cục công trình đi từ chung đến riêng, khái quát cơ bản bối cảnh lịch sử xã hội sau đó đi sâu vào từng tác phẩm, tác giả tiêu biểu. Điều này sẽ giúp cho sinh viên dễ theo dõi, tiếp thu. Cụ thể ở chương 1, tác giả đề cập đến *Di sản Văn học trước Cách mạng tháng Tám*, trình bày những thành tựu của văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám; những đóng góp của các tác giả như Nguyễn Ái Quốc, Tố Hữu, Xuân Diệu, ...; giới thiệu vai trò phát triển văn hóa nghệ thuật nước nhà trong bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*. Ở chương 2 tác giả đã khái lược *Mấy công tác chính trong phong trào văn học từ 1945 đến nay và tính chất nền văn học mới*, dẫn dắt vấn đề để độc giả có cái nhìn toàn cảnh về nền văn học Việt Nam. Ở các chương tiếp theo, tác giả phân kỳ văn học và ở từng giai đoạn đều giới thiệu cụ thể đặc điểm văn học ở giai đoạn đó, đồng thời giới thiệu một số công trình, tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Chính điều này đã khiến việc tiếp thu, theo dõi công trình 510 trang trở nên khoa học và dễ tiếp cận hơn.

1.3. Phạm vi nghiên cứu bao quát, nội dung phân tích chi tiết

Theo Đoàn Trọng Huy “*Nhảy bèn với cái mới là một trong những tính cách cơ bản của nhà giáo, nhà nghiên cứu Hoàng Như Mai*” (Đoàn Trọng Huy, 2019: 405). Quả thực là như vậy, trong lĩnh vực nghiên cứu, Hoàng Như Mai tỏ ra nhạy bén với những quan sát và lập luận của mình. Ông đã từng nhận xét, giai đoạn 1940 - 1945 là một giai đoạn quan trọng của tiến trình văn học. Bởi, trước đó, các nhà nghiên cứu thường lấy năm 1939, 1940 là năm chốt cho các công trình của mình. Các công trình tiếp theo thì lại bắt đầu từ mốc 1945. Như vậy, 6 năm phát triển của văn học Việt Nam bị bỏ ngỏ. Trong bài viết *Chặng đường văn học 1940-1945*, Hoàng Như Mai đặt vấn đề cần nhìn nhận lại giai đoạn này. Có nhiều tác giả, tác phẩm giá trị, có thể kể đến như *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm, *Độc hành 1*, *Độc hành 2* của Trần Huyền Trân, *Hành phương Nam* của Nguyễn Bính, hoặc tùy bút *Võng ngó đồng* của Nguyễn Tuân. Trong công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945-1960)*, Hoàng Như Mai cũng dành một chương cho *Di sản văn học trước cách mạng tháng Tám*. Điều này cho thấy ông quan tâm nghiêm túc đến sự vận động và phát triển văn học ở giai đoạn 1940 - 1945.

Năm 1945 đến 1960 là giai đoạn đầy biến động. Nền văn học phát triển với sự xuất hiện của nhiều nhà thơ, nhà văn lớn cùng với nhiều tác phẩm tiêu biểu. Đặc biệt ở giai đoạn kháng chiến chống Pháp từ 1946 - 1954. Đây là giai đoạn mà văn nghệ, văn hóa cũng là một mặt trận, nhà văn, nhà thơ là chiến sỹ. Số lượng tác giả, tác phẩm khá đồ sộ. Việc đọc hết ngàn ấy tác phẩm, trong ngàn ấy năm để tổng thuật, giới thiệu với độc giả đã là một sự đóng góp vô cùng lớn lao. Công trình *Văn học Việt Nam (1945 -*

1960) đã giới thiệu đến người đọc một hệ thống tác giả, tác phẩm lớn với các thể loại vô cùng đa dạng. Việc giới thiệu đầy đủ các thể loại văn học (từ thơ, văn xuôi, lý luận, phê bình, nghiên cứu, giới thiệu văn học đến kịch) cũng đánh giá được sự nghiên cứu đầu tư, nghiêm túc của tác giả. Những tác giả tiêu biểu như Nguyễn Ái Quốc, Tố Hữu, ... mà Hoàng Như Mai giới thiệu sau này được chọn lọc biên soạn và giới thiệu trong bộ sách giáo khoa ngữ văn lớp 11, lớp 12. Điều này chứng minh sự tinh nhạy của nhà nghiên cứu trong việc đánh giá tác giả, tác phẩm. Ở mỗi chương khái lược, giới thiệu chung cho một giai đoạn, tác giả đều liệt kê kỹ lưỡng tác giả và tác phẩm có liên quan. Đặc biệt, tác giả lý giải cặn kẽ, đưa ra nguyên nhân cho những vấn đề văn học còn bỏ ngỏ như chủ đề cải cách ruộng đất “*được phát động rầm rộ với nhiều tác phẩm nhưng chất lượng chưa cao, và đến ngày nay lưu lại trong kho văn học rất ít*”. Theo Hoàng Như Mai, nguyên nhân bởi các tác phẩm đó “*có liên quan với chủ nghĩa sơ lược, chủ nghĩa tự nhiên hoặc khuynh hướng tô hồng (...) vấn đề được giải quyết một cách chung chung, một điệu, một chiều, dễ dãi*” [1].

Không những vậy, Hoàng Như Mai còn dụng công giới thiệu chi tiết những tác giả, hoặc những tác phẩm tiêu biểu. Đặc biệt trong giai đoạn 9 năm kháng chiến chống Pháp, tác giả đã thống kê, giới thiệu được các tập thơ, tiểu thuyết nổi bật, các tác giả tiêu biểu. Ví dụ như: *Thơ ca kháng chiến* của Tú Mỡ, *Truyện và ký sự* của Trần Đăng, *Bút ký và truyện ngắn* của Nam Cao, tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài, ...

Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu được Giáo sư Hoàng Như Mai trình bày theo từng

chương riêng biệt. Cụ thể, tác giả đã dành hẳn tám chương để giới thiệu, phân tích, bình giảng tám tác giả với từng tác phẩm cụ thể:

- Chương 9. Tập thơ Việt Bắc
- Chương 10. Thơ ca kháng chiến của Tú Mỡ
- Chương 12. Truyện và ký sự của Trần Đăng
- Chương 13. Bút ký và truyện ngắn của Nam Cao
- Chương 14. Xung kích (tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi)
- Chương 15. Vùng mỏ (Tiểu thuyết của Võ Huy Tâm)
- Chương 16. Con trâu (Tiểu thuyết của Nguyễn Văn Bổng)
- Chương 17. Truyện Tây Bắc của Tô Hoài

Điều này chứng tỏ tác giả đánh giá cao, có dụng ý giới thiệu các tác giả, tác phẩm này như những trường hợp văn học điển hình trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

Trong quá trình giới thiệu, ngoài việc phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của tác giả, đi sâu vào từng chủ đề trong các tác phẩm thì Hoàng Như Mai cũng chỉ ra ưu và khuyết điểm của từng tác phẩm. Ví dụ như “*Trong Con trâu, nhân vật nói chung còn sơ lược, đời sống nội tâm nghèo nàn*”. Hoặc tác giả Nguyễn Văn Bổng “*quá thiên về văn tường thuật và ít vận dụng thể văn miêu tả. Do đó tác giả chưa dựng lên được những bức tranh chiến đấu linh hoạt, hùng vĩ. (...) thiếu yếu tố lãng mạn đề cao tính chất anh hùng của những con người vừa bình thường vừa phi thường*” (Hoàng Như Mai, 2005: 382-383). Đối với *Vùng mỏ*, Hoàng Như Mai nhận định tác giả ít đi vào nội tâm, văn hơi khô và cộc. *Vùng mỏ* ít nhiều đã “*tô hồng sự việc*”. Hoặc nhận xét trong *Xung*

kịch “cách nhìn của nhà văn còn nặng màu sắc tiểu tư sản chủ quan, gò bó, trừu tượng” [2].

Những nhận xét của Hoàng Như Mai hoàn toàn chính xác, đặc biệt đối với thể loại tiểu thuyết. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, do yêu cầu của văn học nghệ thuật lúc đó là phải ngắn gọn, nhanh lẹ, dễ đọc, dễ hiểu, cho nên, điều này phần nào cũng khiến cho tiểu thuyết xuất hiện muộn và ít thành tựu hơn thơ ca và truyện ngắn. Chúng ta có thể xem lại lời chia sẻ của Hồ Chủ tịch trong *Cách viết* năm 1952 để hiểu rõ hơn bối cảnh văn nghệ lúc bấy giờ: “Hiện nay trình độ của đại đa số đồng bào ta bây giờ không cho phép đọc dài, điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài và in dài, thì giờ của ta người lính đánh giặc, người dân đi làm không cho phép xem lâu. Vì vậy, cho nên viết ngắn chừng nào tốt chừng nấy” [3].

2. Ưu điểm, hạn chế trong nghiên cứu văn học của Hoàng Như Mai qua công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)*

Nắm rõ quan điểm “*tác phẩm văn học là sản phẩm sinh nghĩa và tạo nghĩa của văn bản, là sự thống nhất có tính quá trình giữa văn bản nghệ thuật với khách thể thẩm mỹ hình thành trong hoạt động tiếp nhận của người đọc*” (Trần Đình Sử và cộng sự, 2010: 27), nhà nghiên cứu Hoàng Như Mai không tìm hiểu tác phẩm như văn bản vốn có mà dựa vào vốn kiến thức, kinh nghiệm về văn hóa, chính trị, lịch sử của bản thân để tìm hiểu và lý giải tác phẩm. Mô típ thường thấy trong những bài viết của Hoàng Như Mai chính là nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, sau đó chỉ ra những khiếm khuyết, những điều chưa đạt của tác phẩm ấy. Ông viện dẫn nhiều lập luận, dẫn chứng của các nhà nghiên cứu, nhà văn

khác trong và ngoài nước. Cách trình bày theo hướng văn học - lịch sử cũng là một đặc điểm nổi bật trong các bài viết của Hoàng Như Mai. Ông am hiểu lịch sử xã hội, am hiểu bối cảnh văn hóa, chính trị cho nên những trang viết khi phân tích đều đưa ra dẫn chứng thuyết phục. Trong hầu hết các bài viết của mình, Hoàng Như Mai đều lựa chọn những lĩnh vực gần gũi, đã từng nghiên cứu, tìm hiểu, hoặc có thể nói nôm na là sở trường để phân tích, giới thiệu. Đối với từng vấn đề, tác giả đều dẫn dắt, lấy ví dụ minh họa rồi mới đi sâu phân tích, giải thích. Đây có lẽ do ảnh hưởng bởi phong cách giảng dạy như trong *Mấy lời nói đầu* tác giả có chia sẻ. Công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* không thuần túy là công trình nghiên cứu văn học theo dạng lý luận cao siêu mà gần gũi bởi hầu hết các bài viết đều như những bài bình giảng. Ngoài ra, tác giả còn trích dẫn khá nhiều thông tin có giá trị lịch sử. Ví dụ như trích bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, lời phát biểu của các lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lời thề của quân đội nhân dân Việt Nam, ... Ở từng nội dung phân tích, Hoàng Như Mai đều lồng ghép kiến thức về lịch sử, chính trị, văn hóa khu vực, ... giúp cho bài nghiên cứu của mình thêm sinh động và chi tiết. Trong chương *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài, tác giả dùng gần bốn trang để giới thiệu về lịch sử, văn hóa, chính trị ở Tây Bắc, sau đó mới dẫn dắt đến giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Hoặc các sự kiện phức tạp do bối cảnh lịch sử, xã hội lúc bấy giờ như cách mạng ruộng đất hoặc phong trào nhân văn giai phẩm cũng được tác giả trình bày rõ ràng, chi tiết.

Ngoài ra, Hoàng Như Mai còn nghiên cứu rất kỹ tiểu sử, câu chuyện “bếp núc” của các nhà văn, nhà thơ nên lập luận rất thu hút và mạch lạc. “*Có nhiều trang khiến người*

đọc có cảm giác tác giả giáo trình đang đối thoại với nhà văn chứ không phải là những phân tích hàn lâm, kinh viện, khô khan của người nghiên cứu thuần túy” (Võ Văn Nhơn, 2019: 317). Có lẽ vì vậy mà nhiều trang viết, người đọc cảm nhận rõ giọng điệu của chính nhà nghiên cứu: Có lúc tự hào với lực lượng kháng chiến, có lúc căm phẫn, chê bai những đối tượng chưa tốt, thậm chí ngậm ngùi chia sẻ những điểm chưa được của lịch sử. Võ Văn Nhơn đã cho rằng: “*Đọc giáo trình, người đọc cảm thấy bị hấp dẫn, bị thuyết phục bởi một cách viết riêng, bởi đó là những trang viết của một người đương thời, người trong cuộc*” (Võ Văn Nhơn, 2019: 317). Hoàng Như Mai đặc biệt yêu mến nhà thơ Tố Hữu. Ông dành khá nhiều trang viết cho nhà thơ này. Trong số tám nhà văn, nhà thơ được giới thiệu trong công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* thì bài viết về tập thơ *Việt Bắc* được ưu ái với dung lượng gần 41 trang. Trong khi đó đối với các nhà thơ, nhà văn khác thì dung lượng ít hơn: *Thơ ca kháng chiến* của Tú Mỡ - 25 trang; *Truyện và ký sự* của Trần Đăng - 9 trang; *Bút ký và truyện ngắn* của Nam Cao - 12 trang; *Xung kích* (tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi) - 29 trang; *Vùng mỏ* (Tiểu thuyết của Võ Huy Tâm) - 14 trang; *Con trâu* (Tiểu thuyết của Nguyễn Văn Bông) - 10 trang và *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài - 27 trang. Trong 24 chương thì tác giả cũng dành hai chương (chương 6 và 9) để viết về thơ Tố Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám. Ngoài ra, tác giả Hoàng Như Mai còn dùng thơ Tố Hữu để mở đầu cho các chương khái quát nền văn học trong từng giai đoạn, cụ thể ở chương 3, 7 và 20. Có lẽ, chính sự đồng điệu về quan điểm chính trị, nghệ thuật cũng như khâm phục những đóng góp của Tố Hữu đối với thơ ca cách mạng lúc bấy giờ đã khiến cho Hoàng

Như Mai yêu mến nhà thơ Tố Hữu đến như vậy.

Về ngôn ngữ, Hoàng Như Mai là giảng viên văn học, cho nên cách hành văn của ông rất chặt chẽ, gãy gọn. Từ một luận điểm, ông đưa ra nhiều dẫn chứng, ví dụ để chứng minh. Nắm rõ ngôn ngữ, nên câu văn của Hoàng Như Mai bóng bẩy, nhiều hình tượng. Nói về *Việt Bắc*, ông cho rằng *Việt Bắc* là “*bông hoa đẹp nhất của thơ ca kháng chiến*”, nói về *Vang bóng một thời*, ông ví von “*mở cuốn Vang bóng một thời, người ta cứ tưởng như mở hai cánh cửa bước vào một nhà bảo tàng văn hóa dân tộc, nơi đó trưng bày những hiện vật của một thời xưa*” (Hoàng Như Mai, 2005: 249).

Tuy vậy, dưới góc nhìn chính trị, cũng như nhân quan cách mạng tại thời điểm đó mà Hoàng Như Mai có nhiều nhận định thiếu khách quan. Ví dụ như tác phẩm *Tây tiến* của Quang Dũng, *Màu tím hoa sim* của Hữu Loan hoặc trước đó là trường hợp Trương Tửu. Trong *Tây Tiến*, Hoàng Như Mai cho rằng: tinh thần thơ còn “*phảng phất một hơi buồn mệt nhọc của cá nhân ốm yếu*”, hoặc “*người và cảnh hiện lên với những sắc màu ảm đạm*”. Trong ngọn lửa kháng chiến hừng hực thời bấy giờ thì “*cái khóc lóc sụt sịt của anh bộ đội? bên Màu tím hoa sim của Hữu Loan chỉ khiến người ta buồn cười*” [4]. Nhưng, ở những lần xuất bản sau, tác giả đã lược bớt hoặc nhìn nhận, đánh giá khách quan hơn. Theo Võ Văn Nhơn “*Trong hoàn cảnh lúc đó, bên cạnh ý kiến phê phán ‘hình ảnh người anh hùng trong thơ còn khá đậm màu sắc anh hùng cá nhân’, thầy còn cho rằng ‘cảm hứng lãng mạn anh hùng trong một số thơ đầu kháng chiến không phải không có tác dụng cổ vũ tinh thần chiến đấu’*. Trong hoàn cảnh đó, sự khẳng định các tác phẩm có một thời được xem là có vấn đề như Ngày về của

Chính Hữu, Tây tiến của Quang Dũng, ... như thế là đáng trân trọng” (Võ Văn Nhơn, 2019: 318). Ngoài ra, vì yêu, ghét rõ ràng nên tác giả bộc lộ quan điểm cá nhân vào trong bài viết khá nhiều. Đặc biệt là khi viết về giai đoạn *Nhân văn giai phẩm*, tác giả dùng những từ khá nặng: bọn, nhóm phá hoại, chống phá, ...

Công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)*, theo tác giả, chỉ tập hợp những tác phẩm văn học đã được xuất bản hoặc đăng trên báo chí từ năm 1960 trở về trước. Do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện thời gian nên công trình còn thiếu một số tác phẩm, có thể kể đến như: *Tây đầu đỏ, Bên đường cù lao Dung* (Phạm Anh Tài), *Cái lu* (Trần Kim Trắc), *Nhà Phó Ba* (Xuân Thu), *Bên đường 12, Nhân dân tiến lên* (Vũ Tú Nam), ... Đặc biệt là giai đoạn sau kháng chiến chống Pháp, từ 1954 - 1960, Hoàng Như Mai chưa khái quát được bức tranh văn học nước nhà trong giai đoạn này. Ở giai đoạn 1954 - 1960, các bài viết ở các chương: 21, 22, 23, 24 đều ở mức gợi ý chứ chưa thật sự khái quát và giới thiệu rõ thành tựu văn học giai đoạn lúc bấy giờ. Theo Trần Hữu Tá trong Lời đề dẫn “*Khó có thể đòi hỏi phần thứ ba của công trình - Văn học Việt Nam từ sau ngày hòa bình lập lại (1954 - 1960) đảm bảo tính đầy đủ khách quan, khoa học. Văn học miền Bắc nước ta đang chuyển động vừa mạnh mẽ vừa phức tạp trong một hoàn cảnh xã hội - chính trị không hề đơn giản. Nhà nghiên cứu không có khoảng cách lùi xa cần thiết để khái quát đánh giá. Do đó, nhiều nhận định về thơ ca (chương 21), văn xuôi (chương 22), kịch (chương 23), và nhất là lý luận - phê bình - nghiên cứu (chương 24) mới mang giá trị gợi ý*” (Hoàng Như Mai, 2005: 16).

Là công trình phục vụ giảng dạy nên những luận điểm, dẫn chứng tác giả đưa ra

khá chi tiết tuy nhiên đôi lúc dàn trải, nhiều đoạn thiên về bình giảng tác phẩm. Điều này được tác giả lý giải ở *Mấy lời nói đầu*: “*cách đặt vấn đề, cách lập luận, cách vận dụng các dẫn chứng và tài liệu tham khảo, lời văn, ... đều phục vụ yêu cầu giảng dạy trên lớp*” [5]. Sau này khi hiệu chỉnh để đăng trong *Văn học Việt Nam hiện đại, quyển 1* do Trường Đại học tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1982, hoặc trong *Hoàng Như Mai tuyển tập*, xuất bản năm 2005 tác giả đã lược bớt. Cụ thể, Hoàng Như Mai lược bỏ khá nhiều nội dung liên quan đến các dẫn chứng được trích dẫn từ các quan điểm của Các-mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, nhà mỹ học Liên Xô Tô-rô-phi-mốp, đại tướng Võ Nguyên Giáp, ... trong các bài viết về tác giả Tô Hoài, Tố Hữu. Tác giả còn lược bỏ khá nhiều một số nhận định mang màu sắc chính trị như các vấn đề về nhóm *Nhân văn giai phẩm*, hoặc một số đánh giá khắt khe do nhãn quan chính trị vào thời điểm đó đối với tiểu thuyết *Xung kích*,

Kết luận

Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960) là một công trình công phu, nghiêm túc, khái quát được toàn cảnh văn học Việt Nam hiện đại giai đoạn 1945 - 1960. Đây là một công trình có bố cục chặt chẽ, hợp lý, phạm vi bao quát tinh nhạy. Cách lập luận, triển khai, phân tích của tác giả cũng khiến cho công trình nghiên cứu văn học khô khan trở nên dễ tiếp thu hơn. Việc nắm rõ bối cảnh lịch sử, tình hình kinh tế, chính trị, văn học trong nước khiến cho công trình của Hoàng Như Mai đầy đặn hơn. Tác giả nghiên cứu rất chi tiết, khái quát cụ thể thành tựu văn học trong khoảng 9 năm kháng chiến chống Pháp từ 1945 - 1954 đồng thời giới thiệu được những gương mặt tiêu biểu trong giai đoạn này như: Tố Hữu,

Tú Mỡ, Trần Đăng, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Văn Bổng, Võ Huy Tâm, Tô Hoài.

Dù còn một vài thiếu sót trong việc hệ thống tác giả, tác phẩm; còn sa đà vào bình giảng tác phẩm cũng như có nhiều nhận định thiếu khách quan do nhãn quan chính trị lúc bấy giờ nhưng đóng góp của Hoàng Như Mai trong lĩnh vực nghiên cứu văn học thông qua công trình *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)* cực kỳ to lớn.

Chú thích

[1] Hoàng Như Mai (1961). *Văn học Việt Nam hiện đại (1945 - 1960)*. Hà Nội, Nxb giáo dục, 125.

[2] Sdd, 280.

[3] Sdd, 230.

[4] Sdd, 138.

[5] Sdd, 3.

Tài liệu tham khảo

Đoàn Trọng Huy (2019). Hoàng Như Mai - một nhân cách giáo dục, văn hoá cao quý. *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Nghiên cứu, giảng dạy văn học và GS. NGND Hoàng Như Mai*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Thành

phố Hồ Chí Minh, 400-410.

Hoàng Như Mai (1982). *Văn học Việt Nam hiện đại* (Quyển 1). Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàng Như Mai (2005). *Hoàng Như Mai tuyển tập*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Phương Lựu (chủ biên), Nguyễn Nghĩa Trọng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh (2010). *Lý luận Văn học, Tập 1: Văn học, nhà văn, bạn đọc*. Hà Nội, Nxb Đại học Sư phạm.

Võ Văn Nhơn (2019). Giáo sư Hoàng Như Mai và bộ giáo trình đầu tiên về văn học cách mạng. *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Nghiên cứu, giảng dạy văn học và GS. NGND Hoàng Như Mai*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 315-319.

Trần Đình Sử (chủ biên), La Khắc Hòa, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam (2010). *Lý luận văn học, Tập 2: Tác phẩm và thể loại văn học*. Hà Nội, Nxb Đại học Sư phạm.